TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05/6/2020.
"V/v ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sĩ Quang.

Ông Nguyễn Đức Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 37/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020, về việc "Ly hôn, nuôi con chung". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/5/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22/5/2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Ph, sinh ngày 16/8/1990.

ĐKHK và nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: anh Đỗ Văn D, sinh ngày 16/8/1989.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xóm 4, xã Thanh X, huyện Thanh H, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

Hiện đang cư trú tại Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn chị Bùi Thị Ph trình bầy: Chị và anh Đỗ Văn D được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã Thanh X, huyện Thanh H, tỉnh Hải Dương vào ngày 06/5/2013. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống tại gia đình nhà chồng được vài tháng thì về Ninh Giang sống cùng với bố mẹ đẻ của chị vì chị làm giáo viên còn anh D làm nghề tự do. Vợ chồng sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2014 anh D đi lao động tại Đài Loan, đến năm 2016 về nước, tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, sau đó anh D lại tiếp tục đi sang Đài Loan cũng từ đó anh D không thường xuyên liên lạc cũng như quan tâm đến chị. Khi chị liên lạc với anh D thì được anh D báo cho biết đã trốn ra ngoài làm và bảo chị ở nhà tự

làm thủ tục ly hôn vì anh không có ý định về nước. Đến nay chị xác định không còn tình cảm với anh D. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đỗ Phương Thảo Ng, sinh ngày 30/6/2014 và Đỗ Khánh A, sinh ngày 11/10/2016, hiện nay chị đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con cho đến khi các con thành niên và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, anh D có quyền đi lại thăm nom con chung chị không ngăn cấm.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc, chị Phương có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Ph không cung cấp được địa chỉ của anh D tại Đài Loan. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã lấy lời khai của ông Đỗ Văn L là bố đẻ anh D, ông L xác nhận anh D vẫn thỉnh thoảng liên lạc về nhà. Tòa án yêu cầu ông L cung cấp địa chỉ của anh D ở Đài Loan và yêu cầu anh D gửi văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Ph, nhưng ông L không cung cấp được địa chỉ của anh D, anh D cũng không có văn bản gửi về. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho ông L, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông L xác định đã thông tin cho anh D biết, anh D có quan điểm nhất trí ly hôn, về con nhất trí giao hai con cho chị Ph nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử.

- Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghiên cứu hồ sơ chuẩn bị tham gia phiên tòa, Thẩm phán cơ bản đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ,cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và gửi đầy đủ các văn bản tố tụng, hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu theo quy định của BLTTDS. Tuy nhiên về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 476 BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa.

- Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án.

- Người tham gia tố tụng cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Viện kiểm sát không phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ph không cung cấp được địa chỉ của anh D tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án đã hai lần yêu cầu gia đình anh D cung cấp địa chỉ, cũng như thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh D biết để gửi lời khai về cho Tòa án, nhưng gia đình không cung cấp được và không thực hiện yêu cầu của Tòa án, đồng thời Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Nên áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Chị Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt lần thứ hai. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Ph, anh D.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị Ph và anh Đỗ Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh X, huyện Thanh H, tỉnh Hải Dương vào ngày 06/5/2013, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn anh D đi lao động tại Đài Loan vào năm 2014, thời gian đầu còn quan tâm đến vợ con, năm 2016 về phép khoảng 01 tháng lại tiếp tục đi sang Đài Loan, tuy nhiên từ khi sang bên đó anh D không thường xuyên điện về thăm hỏi và quan tâm đến chị Ph. Nay chị Ph xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Về phía anh D cũng đã được gia đình cho biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo đơn xin ly hôn của chị Ph. Anh D cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phương.

- *Về con chung:* Vợ chồng có hai con chung là Đỗ Phương Thảo Ng, sinh ngày 30/6/2014 và Đỗ Khánh A, sinh ngày 11/10/2016, hiện nay chị Phương đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Ly hôn chị Ph có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng. Anh D cũng nhất trí với quan điểm của chị Ph. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con của chị Ph. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Ph không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng không xem xét.

[3].Về án phí: Chị Ph phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Ph được ly hôn anh Đỗ Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung Đỗ Phương Thảo Ng, sinh ngày 30/6/2014 và Đỗ Khánh A, sinh ngày 11/10/2016 cho chị Ph nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Ph không yêu cầu anh D phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con;

Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Ph phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002054 ngày 14 tháng 02 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Bùi Thị Ph đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Ph được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Đỗ Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Thanh Xuân, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Khánh Thiện